

TƯ DUY PHÁP LÝ VỀ THỂ CHẾ KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Lê Vương Long¹

Tóm tắt: Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước... Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước”. Bài viết chủ yếu đi sâu nghiên cứu khía cạnh tư duy pháp lý về xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế tư nhân ở Việt nam hiện nay.

Từ khóa: Tư duy pháp lý, thể chế, kinh tế tư nhân

Abstract: *The Resolution of the 13th National Congress of the Party clearly states: "Continue to strongly renew thinking, build and complete synchronously the institution for sustainable development in economy, politics, culture, society, environment, promptly remove difficulties and obstacles; arouse all potentials and resources, create new impetus for the rapid and sustainable development of the country... To comprehensively and synchronously improve the institutions for the development of a socialist-oriented market economy, creating favorable environment to mobilize, allocate and use resources effectively, promote investment, production and business. Ensure macroeconomic stability, strongly renovate the growth model, restructure the economy, accelerate industrialization and modernization of the country. The article mainly delves into the aspects of legal thinking on building and perfecting the private economic institution in Vietnam today.*

Keywords: *Legal thinking, Institutions, personal economic*

1. Khái quát tư duy pháp lý về thể chế kinh tế tư nhân

Tư duy là cội nguồn của phạm trù ý thức, là biểu hiện trạng thái nhận thức trong nội tâm lý của chủ thể và có điều kiện, khả năng biểu đạt ra thế giới khách quan bằng những hành vi, quan hệ cụ thể. Tư duy của con người trong đời sống thực tại được hình thành và nhận diện chủ yếu theo từng lĩnh vực hoạt động. Sở dĩ như vậy vì các lĩnh vực đó chính là đối tượng được phản ánh vào nhận thức cảm tính, lý tính rồi hình thành nên tư duy về nó. Theo đó, hệ tư duy con người được xem xét theo các lĩnh vực tư duy chính trị, tư duy đạo đức, tư duy tôn giáo, tư duy pháp lý. Mỗi lĩnh vực đó lại có thể phân chia ra những khía cạnh nhỏ hẹp hơn, cụ thể hơn. Tư duy pháp lý là một dạng thức của tư duy con người được hình thành từ nhận thức, tâm lý và những yếu tố của đời sống pháp lý của từng cá nhân và trở thành nền tảng của ý thức pháp luật của chính họ. Tư duy pháp lý là hệ thống tư duy chuyên ngành gắn với đời sống pháp luật trong

¹ Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trường Khoa Luật - Trường Đại học Nam Cần Thơ

thực tiễn quản trị xã hội. Đối tượng và phương diện tồn tại, thể hiện của tư duy pháp lý trên thực tế là những yếu tố, phạm trù của đời sống pháp luật như: nhận thức về pháp luật; xây dựng pháp luật; điều chỉnh pháp luật; hành vi, quan hệ pháp luật; trách nhiệm pháp lý...vv. Cùng với đó, tư duy pháp lý được nhận diện gắn với từng lĩnh vực cụ thể, nó tạo lập nền tảng, tiền đề cho quá trình tác động ở lĩnh vực đó, chẳng hạn tư duy pháp lý về kinh tế nhà nước, tư duy pháp lý về kinh tế tư nhân, tư duy pháp lý về kinh tế đối ngoại, tư duy pháp lý về bảo hộ mậu dịch...v.v. Dưới góc độ nội hàm, tư duy pháp lý thể hiện hai phương diện, đó là yếu tố bên trong chủ quan thuộc nội tâm lý và yếu tố bên ngoài thế giới khách quan thuộc đối tượng hay phương thức thể hiện của tư duy. Cả hai phương diện này chỉ có thể hữu hiệu khi năng lực nhận thức của chủ thể bảo đảm và một động cơ tích cực, lành mạnh được thể hiện, phản ánh ở nhiều khía cạnh như: nhận thức, lập luận so sánh, trực quan và nhận thức lý tính; đối tượng của tư duy; thái độ, tâm lý pháp lý; nhận định, đánh giá về đối tượng, định hướng tác động, điều chỉnh tới đối tượng.

Xét về mặt lịch sử, tư duy pháp lý được hình thành muộn hơn trong đời sống, thực tại của con người. Đó là hệ thống tư duy chuyên ngành gắn với đời sống của pháp luật trong thực tiễn quản trị xã hội. Đối tượng và phương diện tồn tại, thể hiện của tư duy pháp lý trên thực tế là những yếu tố, phạm trù của đời sống pháp luật như: nhận thức về pháp luật; xây dựng pháp luật; điều chỉnh pháp luật; hành vi, quan hệ pháp luật; trách nhiệm pháp lý...vv. Vai trò của tư duy pháp lý là yếu tố tiền đề, nền tảng cho việc hình thành thể chế pháp lý, tạo lập khung pháp lý cho quá trình điều chỉnh, thực thi pháp luật trên các phương diện kinh tế, thương mại, lao động, dân sự, hình sự, hôn nhân và gia đình...vv. Tư duy pháp lý được nhận diện từ các nhóm tư duy chuyên biệt có phạm vi hẹp, gắn với đối tượng hoặc hoạt động cụ thể và chuyên sâu như:

- Tư duy xây dựng chính sách pháp luật, lựa chọn nguồn pháp luật;
- Tư duy xác định nội dung, phạm vi và khuynh hướng điều chỉnh pháp luật;
- Tư duy pháp luật hóa, phi pháp luật hoá;
- Tư duy định chuẩn pháp lý (hay lượng hóa mức độ, phạm vi cụ thể);
- Tư duy so sánh, tiếp biến và nội luật hóa trong xây dựng pháp luật;
- Tư duy phản biện trong xây dựng pháp luật;
- Tư duy giải quyết xung đột trong xây dựng pháp luật (bao gồm cả xung đột pháp luật nội và xung đột pháp luật ngoại);
- Tư duy phòng vệ trong xây dựng pháp luật;
- Tư duy hệ thống hóa pháp luật...vv.

Ngoài ra, trong khoa học và thực tiễn pháp lý cũng có thể nhận diện tư duy xây dựng pháp luật theo từng lĩnh vực hay theo các ngành luật cụ thể trên thực tế như: tư duy xây dựng pháp luật về cấu trúc tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước; tư duy thể chế hóa và bảo vệ quyền lực nhân dân; tư duy xây dựng pháp luật kinh tế; tư duy xây dựng pháp luật hình sự, đất đai, lao động, hôn nhân và gia đình...vv. Cũng có thể xem xét tư duy trong hoạt động lập pháp (tư duy lập pháp); tư duy xây dựng văn bản qui định chi tiết, hướng dẫn như nghị định, thông tư; tư duy ban hành các văn bản của chính quyền địa phương...vv. Như vậy, tư duy xây dựng pháp luật là một bộ phận quan trọng nhất của tư duy pháp lý. Đó là trạng thái phản ánh quá trình nhận thức, suy luận về phương thức, qui trình hiện thực hóa hệ thống qui phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Tư duy pháp lý về thể chế kinh tế tư nhân là một khía cạnh hay góc độ hẹp của tư duy pháp lý. Do đó, về nguyên lý tư duy pháp lý về kinh tế tư nhân mang các đặc điểm của tư duy pháp lý nói chung và những đặc điểm, thuộc tính đặc thù của biệt của đối tượng hay lĩnh vực này. Về khái niệm, tư duy pháp lý về thể chế kinh tế tư nhân đó thực chất là quá trình hình thành nhận thức lý tính pháp lý về đối tượng chính là kinh tế tư nhân để khái quát, rút ra những kết luận về thành phần kinh tế này trong đời sống kinh tế quốc dân nhằm phục vụ cho quá trình xây dựng, định chế, điều chỉnh pháp luật trên thực tế. Về nội hàm, tư duy pháp lý về thể chế kinh tế tư nhân có thể nói vô cùng rộng nên khó có thể đề cập được hết nội dung của nó trong khuôn khổ của một bài viết, công trình nghiên cứu khi nó được gắn với thực tiễn đời sống kinh tế tư nhân. Có thể nhận diện một số khía cạnh cơ bản như: tư duy về sự tồn tại hay sự hiện diện của kinh tế tư nhân trong cấu trúc nền kinh tế quốc dân; tư duy thể chế kinh tế tư nhân (trọng tâm thể hiện ở xây dựng, định chế pháp luật, hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật); tư duy về mô hình kinh tế tư nhân, địa vị pháp lý các chủ thể như doanh nghiệp, công ty và nhóm chủ thể khác; tư duy về phương thức kinh doanh và quản trị nội bộ; tư duy về quản lý nhà nước (bằng việc hình thành các thiết chế, các hình thức, phương pháp quản lý, đánh giá hiệu quả...) kinh tế tư nhân; tư duy về mối quan hệ giữa kinh tế tư nhân với kinh tế nhà nước; tư duy về sự hợp tác kinh doanh song đa phương; tư duy về phòng vệ thương mại, tư duy về doanh thu, lợi nhuận doanh nghiệp, chính sách thuế, phí, các chế độ trách nhiệm xã hội...vv.

2. Khái quát thực tiễn về tư duy pháp lý về thể chế kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay

2.1 Một số kết quả và những điểm tích cực của tư duy pháp lý về thể chế kinh tế tư nhân ở Việt Nam

Có thể khẳng định, quá trình đổi mới tư duy quản trị nhà nước, xây dựng thể chế pháp lý ở nước ta diễn ra liên tục đã đem lại diện mạo mới cho sự phát triển và hiệu quả tăng trưởng đối với nền kinh tế. Khái lược những kết quả của quá trình đổi mới tư duy thể chế pháp lý kinh tế nói chung và kinh tế tư nhân nói riêng trên một số phương diện cơ bản qua bức tranh tổng thể mô hình kinh tế được liệt kê hàng năm trong cuốn Sách trắng về Doanh nghiệp Việt Nam⁽²⁾, theo đó, tính đến cuối năm 2018, cả nước có 714.755 doanh nghiệp đang hoạt động, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó có 26 địa phương có số doanh nghiệp đang hoạt động tăng cao hơn bình quân cả nước là Bình Dương, Bắc Giang, Sóc Trăng, Bắc Ninh. Các tỉnh Hà Giang, Bắc Kạn, An Giang, Cà Mau thuộc 37 địa phương có số doanh nghiệp đang hoạt động tăng thấp hơn mức bình quân cả nước. Tính bình quân, cứ 1.000 dân trong độ tuổi lao động thì có 14,7 doanh nghiệp. Khu vực nhà nước có 2.486 doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh, khu vực ngoài nhà nước có 541.753 doanh nghiệp, khu vực FDI có vốn, chiếm 53% tổng vốn, khu vực doanh nghiệp nhà nước thu hút 9,5 triệu tỉ đồng, chiếm 28,8%, khu vực doanh nghiệp FDI thu hút khoảng 6 triệu tỉ đồng, chiếm 18,1%. Thực tiễn chuyển dịch cơ cấu của các loại hình doanh nghiệp ngoài nhà nước được tổng kết trong Sách trắng doanh nghiệp 2019 cho thấy: Tỷ lệ đóng góp đối với các chỉ tiêu cơ bản của khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước (bình quân 2011-2015 và 2016-2017) như sau: Số doanh nghiệp đang hoạt động chiếm 96,5% và 96,7%; số lao động 60,4% và 60,9%; nguồn vốn 49,5% và 53,3%; doanh thu 52,6% và 56,4%. Dĩ nhiên, số liệu ở

² Bộ Kế hoạch và đầu tư: *Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam*, công bố ngày 10/7/2019

đây là của các công ty, doanh nghiệp tư nhân và không có mặt kinh tế cá thể cá thể, hộ gia đình. Nhìn lại một cách tổng quan những ưu điểm, thành quả đạt được có thể rút ra một số nhận xét sơ bộ như sau:

Một là, trong xây dựng và điều chỉnh pháp luật đã từng bước hạn chế tư duy áp đặt duy ý chí.

Điều này thể hiện rõ trong sự đột phá nhận thức nhanh chóng từ bỏ tư duy định chế pháp luật theo cơ chế tập trung bao cấp với sự điều tiết, quản trị xã hội quyết định bởi nhà nước. Trên thực tế, các hoạt động lập pháp, lập qui đã được khởi sắc với một qui trình xây dựng văn bản qui phạm, thực chất coi trọng việc đánh giá tác động, phân tích chính sách một cách khách quan và toàn diện. Theo đó, lĩnh vực kinh tế tư nhân có được môi trường pháp lý đảm bảo để phát huy vai trò, sự đóng góp hết sức quan trọng vào nền kinh tế quốc gia. Trên thực tế việc tạo nguồn pháp luật một cách đa dạng như thừa nhận các án lệ, tập quán thương mại quốc tế đã đem lại sự đầy đủ, linh hoạt hơn của thể chế pháp lý kinh tế tư nhân và bảo đảm tính tương thích trong áp dụng thực tiễn pháp lý quốc tế, nước ngoài.

Hai là, từng bước thể chế hóa cụ thể những nguyên lý, yêu cầu cơ bản của phát triển kinh tế thị trường, hội nhập đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ. Ở nước ta, có thể nói sự táo bạo trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường đã đặt ra việc phải nhanh chóng đổi mới tư duy pháp lý đáp ứng tiền đề cho việc hình thành các quan hệ, sự điều tiết theo qui luật, tiêu chuẩn thị trường. Trên thực tế những thách thức về sự bất cập giữa cơ sở tồn tại của hạ tầng, của tư duy pháp lý cổ hũu với sự đòi hỏi tiếp biến nhanh nội hàm tri thức pháp lý mới là một áp lực. Đó là phải tạo lập, điều tiết kinh tế thị trường, vấn đề định chuẩn pháp lý cũng như xử lý các căn bệnh phát sinh từ thực tiễn quan hệ thị trường ngày càng tỏ rõ sự thích ứng của hội nhập, toàn cầu hóa các giá trị truyền thống và phi truyền thống...vv. Đặc biệt việc tham gia các tổ chức, diễn đàn kinh tế đa phương càng đòi hỏi những bước đi nhanh chóng để kịp vào sân chơi với tiêu chuẩn vô cùng nghiêm ngặt.

Ba là, từng bước thể chế hóa được những nguyên lý, yêu cầu của phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa làm tiền đề cho quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế nhà nước và thể chế kinh tế tư nhân. Đây là một kỳ tích với những bước đi thận trọng và tôn trọng kiểm chứng từ những thử nghiệm thực tiễn đến đúc rút kinh nghiệm hình thành hệ thống tư duy lý luận và chỉ đạo xây dựng thể chế. Sở dĩ như vậy bởi trong kho tàng kinh điển Mác không có lý luận về kinh tế thị trường và càng không có lý luận về kinh tế thị trường XHCN. Cho đến nay, đã hơn ba thập kỷ đổi mới với những thành tựu đáng tự hào về chỉ số phát triển con người, tốc độ phát triển kinh tế, sự ổn định chế độ chính trị đã chứng tỏ khởi nguồn đổi mới lãnh đạo của Đảng tạo tiền đề cho quá trình đổi mới tư duy pháp lý về thể chế kinh tế tư nhân là đúng hướng và sáng tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Bốn là, từng bước thể hiện được nguyên lý, yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền, hoàn thiện bộ máy quản lý kinh tế phù hợp với thể chế kinh tế thị trường.

Ở nước ta, gắn với việc xây dựng nền tảng kinh tế thị trường, tư duy về mô hình nhà nước pháp quyền XHCN đã được nhận diện, kiến giải và từng bước hiện thực hóa giá trị của một cách thích ứng. Điều quan trọng, tư duy kinh tế thị trường được hiến định đòi hỏi tách chức năng quản lý với chức năng tổ chức sản xuất vốn có trước đây, tái cấu trúc bộ máy quản lý kinh

tế và vận hành theo nguyên lý thị trường nhà nước không can thiệp trực tiếp quá trình sản xuất kinh doanh. Nhu cầu của định chế pháp luật dựa trên nền tảng tư duy pháp lý mới đã ghi nhận các quyền về tài sản hợp pháp, tự do kinh doanh theo qui định pháp luật đã đem lại bộ mặt kinh tế tư nhân từng bước khởi sắc. Giá trị nhân quyền từng bước được thể hiện trong các lĩnh vực điều chỉnh của pháp luật phù hợp với cam kết đảm bảo của nhà nước Việt Nam về quyền con người, quyền công dân. Có thể nói, tư duy về tích hợp, phổ cập và bảo vệ các giá trị về dân chủ, nhân quyền trong pháp luật thực định đã có bước tiến đáng kể ở nước ta thời gian qua do đó được sự thừa nhận, ủng hộ của các tổ chức quốc tế, các quốc gia và bạn bè quốc tế.

2.2 Một số hạn chế, tồn tại của tư duy pháp lý về thể chế kinh tế tư nhân ở Việt Nam

Ngoài những kết quả đạt được về mặt tư duy xây dựng pháp luật ở nước ta còn bộc lộ không ít những hạn chế thể hiện cả về nội dung, hình thức, hiệu quả và hệ giá trị của điều chỉnh pháp luật trên thực tế. Một trong các điểm yếu hạn chế của thể chế kinh tế tư nhân mà nguyên nhân cơ bản thuộc về tư duy xây dựng pháp luật đã được nêu lên trong Nghị quyết 10/NQ-TW đó là, “*Hệ thống pháp luật, các cơ chế, chính sách khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ*”. Một số khía cạnh cụ thể cho thấy như sau:

Một là, dưới góc độ tổng quan năng lực tư duy pháp lý mà đặc biệt tư duy xây dựng, điều chỉnh pháp luật kinh tế chưa thực sự nhạy bén, theo kịp trước biến đổi của đời sống thực tiễn.

Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật được tiếp cận trong tổng thể sự đổi mới tư duy pháp lý nói chung. Theo ý kiến của nhiều chuyên gia và các nhà pháp lý thực tiễn, tư duy pháp lý đặc biệt trong lĩnh vực nhận thức về một nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa có sự điều tiết của nhà nước được khởi xướng từ 1986 đến nay sau hơn ba thập kỷ đã lạc hậu và kịch trần để tạo ra đột biến mới. Những quan niệm bước đầu về điều tiết các quan hệ kinh tế thị trường với sự lo âu lạch hướng, sự quan ngại quá thận trọng sợ đi vào vết xe đổ đã lạc hậu và không đủ làm tiền đề cho quá trình định chế pháp luật đủ sức kích hoạt một nền kinh tế hội nhập toàn cầu hóa. Kinh tế thị trường XHCN cần phải có một mô hình mới, đặc thù để tồn tại, thích ứng với điều kiện của thời đại công nghiệp 4.0. Theo đó, tư duy pháp lý đặc biệt bộ phận tư duy khoa học cần đi trước để nhận thức loại bỏ những rào cản, quan niệm kinh điển của thế kỷ trước nhanh chóng tiếp biến thức thời làm nền tảng cho quá trình xây dựng, điều chỉnh pháp luật. Một khung pháp lý mới mang tính mở đủ điều kiện cho sự phát triển bền vững, đồng bộ về kinh tế, chính trị, xã hội, tổ chức vận hành và kiểm soát quyền lực nhà nước, quyền lực nhân dân một cách có hiệu quả.

Hai là, tàn dư hay dấu ấn tư duy cơ chế kinh tế tập trung bao cấp ít nhiều vẫn còn ảnh hưởng trên thực tế

Có thể nói, những hạn chế tư duy của cơ chế tập trung bao cấp bắt nguồn từ việc nhận thức khiên cưỡng, một chiều khi coi pháp luật là “phương tiện thống trị thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp cầm quyền” hay thực chất “pháp luật chẳng qua là ý chí của giai cấp cầm quyền đề lên thành luật”. Với cách tiếp cận coi trọng khía cạnh giai cấp này sẽ dẫn đến việc định chuẩn pháp lý và điều chỉnh pháp luật trên thực tế thiếu tính khách quan. Điều này đã làm hạn chế vai trò, giá trị xã hội của pháp luật trong điều chỉnh, trật tự hóa quan hệ xã hội, làm lu mờ tính khách quan trong xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế nói chung, thể chế kinh tế tư nhân nói riêng. Biểu hiện của hạn chế này trên thực tế là tư duy cơ chế xin-cho, tập trung quyền

quản lý kinh tế lên các cơ quan trung ương, thiếu sự phân cấp, phân quyền, bó hẹp khung pháp luật điều chỉnh kinh tế tư nhân và quá coi trọng kinh tế nhà nước.

Ba là, ở một khía cạnh nào đó, lúc nào đó tư duy pháp chế vẫn được đặt lên trước tiếp cận tư duy nhà nước pháp quyền hoặc tư duy cơ chế xin-cho vẫn tồn tại trong các hoạt động pháp lý thực tiễn

Có thể nói tư duy coi trọng tính pháp chế (tạm gọi là tư duy pháp chế) là sản phẩm của một thời kỳ kéo dài trước đây ở nước ta và các nước XHCN theo quan điểm của Lê Nin. Đặc trưng của tư duy pháp chế thể hiện ở cách tiếp cận, xem xét nhân mạnh đến khía cạnh “*đảm bảo tính đúng đắn với qui định của pháp luật, sự thực hiện pháp luật một cách triệt để nghiêm minh*”. Về nguyên lý, điều này không có gì sai, duy chỉ có sự coi trọng này chủ yếu nghiêng về khía cạnh hình thức đối với các mặt hoạt động pháp lý trong xây dựng pháp luật. Sẽ có sự bất cập xảy ra, nếu qui định pháp luật thiếu chính xác về phương diện định chuẩn hoặc không phù hợp với trạng thái quan hệ xã hội thì việc yêu cầu tôn trọng, thực thi pháp luật một cách triệt để nghiêm túc thực chất không đem lại giá trị. Trong lúc đó, tư duy nhà nước pháp quyền phân định rõ vai trò của nhà nước, pháp luật và tính độc lập của quan hệ xã hội trong tương tác của sự tồn tại. Tư duy pháp lý trong nhà nước pháp quyền quan niệm, cách tiếp cận phù hợp với nguyên lý tôn trọng đặc tính quan hệ xã hội. Pháp luật chỉ là công cụ đảm bảo môi trường pháp lý thuận lợi để quan hệ xã hội được tồn tại, phát triển và phát huy giá trị hữu ích hoặc không cho nó phổ biến nếu đó là quan hệ xấu, tiêu cực. Nghĩa là tôn trọng nội dung, bản chất của quan hệ xã hội với tính cách là đối tượng điều chỉnh của pháp luật. Điều này đòi hỏi việc pháp luật hóa, qui phạm hóa và định chế pháp luật trước hết phải tôn trọng qui luật vận động khách quan của quan hệ xã hội.

Bốn là, tư duy cầu toàn hoặc nóng vội trong xây dựng, tổ chức thực thi pháp luật dẫn đến thiếu đột biến, năng động trong thực tiễn đã bỏ qua những cơ hội, nhu cầu và xu thế phát triển. Thực tế cho thấy, nguyên nhân của hạn chế này bắt nguồn từ việc không ý thức một cách đầy đủ, kịp thời trạng thái vận động, nhu cầu của quan hệ xã hội trên thực tế để kịp thời định chế pháp luật điều chỉnh nó. Cầu toàn trong xây dựng pháp luật sẽ làm giảm giá trị, hiệu quả điều chỉnh thậm chí vô hiệu trong điều chỉnh bằng pháp luật vì quan hệ xã hội cụ thể đó đã biến đổi hoàn toàn trên thực tế. Mặt khác, trên thực tế tư duy xây dựng pháp luật nói chung bị ràng buộc, qui chiếu từ nhiều góc độ quan điểm tiếp cận khác nhau của đời sống chính trị, pháp lý. Điều này dẫn đến cảm quan một khung điều chỉnh pháp luật nói chung bị bó hẹp, khó vượt khỏi khuôn khổ của những quan niệm lưu cữu, bảo thủ. Đó là một rào cản thực sự bởi thực tiễn quan hệ xã hội đã đặt ra nhu cầu bức xúc pháp luật hóa để hiện thực hóa giá trị của nó. Ở chiều ngược lại, vì nhiều nguyên nhân mà nhà làm luật có thể nóng vội đưa ra các qui định pháp luật vượt khá xa trạng thái, mô thức quan hệ xã hội đang tồn tại trên thực tế dẫn đến bất cập trong điều chỉnh không thực sự đem lại hiệu quả. Nói tóm lại, thực tế tư duy cầu toàn hoặc nóng vội có sự ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ đối với quá trình định chế pháp lý cụ thể. Đây là lỗi cố hữu của hệ thống tư duy xây dựng pháp luật mà nguyên nhân bắt nguồn ở sự hạn chế năng lực, thiếu tính chuyên nghiệp hoặc câu thả xem nhẹ nguyên lý của định chế pháp luật từ các chủ thể có thẩm quyền ban hành văn bản qui phạm pháp luật. Trên thực tế, không ít văn bản đã ban hành có hiệu lực phải dừng hiệu lực hoặc chỉnh sửa, bổ sung ngay hoặc đưa ra những qui định thiếu tính thực tiễn gây hiệu ứng không tốt trong xã hội.

Năm là, quản lý nhà nước về kinh tế tư nhân còn yếu kém, tư duy lợi ích nhóm, lợi ích ngành vẫn hiện hữu đâu đó trong định chế pháp luật điều chỉnh các quan hệ đầu tư, cấp vốn, đấu thầu, kinh doanh, thương mại, trong đó nổi lên là quản lý vốn ngân sách nhà nước, vốn vay hoặc viện trợ không hoàn lại từ các nguồn khác...vv. Đây là một vấn nạn tại tồn tại khá lâu và chỉ được hạn chế khi có các qui định chặt chẽ hơn về phân cấp, phân quyền kiểm soát cấp vốn ngân sách như Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/1/2014 về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và thành lập cơ quan chuyên môn Ủy ban quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Trên thực tế, nhìn chung nguồn vốn từ ngân sách nhà nước đến được với các thành phần kinh tế tư nhân dưới dạng cho vay, hỗ trợ hoặc kết hợp công tư (PPP) trong đầu tư cũng rất hạn chế hoặc khó khăn. Thể chế pháp lý vẫn còn bó hẹp, chưa thông thoáng để các doanh nghiệp thuộc thành phần KTTN được tiếp cận thuận lợi, hiệu quả hơn. Nghị quyết 10/NQ-TU cũng đã chỉ rõ việc xuất hiện những quan hệ không lành mạnh giữa các doanh nghiệp của tư nhân và cơ quan quản lý nhà nước, can thiệp vào quá trình xây dựng, thực thi chính sách để có đặc quyền, đặc lợi, hình thành “lợi ích nhóm”, gây hậu quả xấu về kinh tế - xã hội, làm suy giảm lòng tin của nhân dân.

Sáu là, chưa thực sự hình thành, sử dụng tư duy tiếp cận Hiến pháp trong các hoạt động pháp lý thực tiễn

Hiến pháp là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất và mang tính tối thượng trong tiếp cận ở mọi hoạt động pháp lý thực tiễn. Điều này đòi hỏi mọi chủ thể khi tham gia quan hệ pháp luật, thực hiện hành vi pháp lý trước hết phải lấy thước đo của Hiến pháp bảo đảm sự phù hợp cả về phương diện nội dung và hình thức. Trong xây dựng, điều chỉnh pháp luật đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng bởi nó là tiền đề để định chuẩn phù hợp và đảm bảo tính pháp chế. Một thực tế vẫn tồn tại đó là không phải mọi văn bản pháp luật (nhất là văn bản áp dụng pháp luật) khi ban hành đều có được sự phù hợp với qui định của Luật, Hiến pháp cả về nội dung, hình thức và khuynh hướng điều chỉnh do đó việc hình thành tư duy tiếp cận từ Hiến pháp sẽ là một giải pháp tối quan trọng trong xây dựng pháp luật cần được nhận diện và quan tâm.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong 3 tháng đầu năm 2021, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giảm 1,4% so với cùng kỳ năm trước nhưng có vốn đăng ký tăng 27,5%. Nguyên nhân do gia tăng số lượng doanh nghiệp có vốn đăng ký trên 100 tỷ đồng, tăng 36,8% và giảm số lượng doanh nghiệp có vốn đăng ký dưới 10 tỷ đồng còn 3,3%. Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn tăng 28,2% so với cùng kỳ năm 2020; doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tăng 26,4%, đây phần lớn là doanh nghiệp trẻ, quy mô nhỏ, dễ chịu tổn thương do tác động tiêu cực từ bên ngoài. Trong lúc đó, kinh tế tư nhân có vai trò rất lớn, đóng góp 43% GDP; 85% tổng số lao động đang làm việc; 49% vốn đầu tư xã hội, 8,9% tốc độ tăng GDP.

(Theo Viện chiến lược và chính sách tài chính - Cổng thông tin Bộ Tài chính, ngày 19/4/2021)

Bây là, về tư duy xây dựng thể chế pháp lý điều chỉnh các quan hệ kinh tế, đầu tư, thương mại nhìn chung vẫn còn tình trạng luật ông, luật khung. Hoặc, một văn bản luật cần có nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện hoặc giữa các văn bản có xung đột, mâu thuẫn, chồng chéo trong điều chỉnh các lĩnh vực có liên quan (xét cả theo chiều dọc hoặc chiều ngang, về mặt nội dung hoặc hình thức). Cấu trúc văn bản, kỹ thuật thể chế, thuật ngữ và văn phạm pháp lý còn có chỗ thiếu chính xác, khó hiểu hoặc hiểu với nhiều nghĩa. Điều này rõ ràng đã tạo ra những nút nghẽn vướng mắc trong quá trình áp dụng, thực hiện các chính sách, giải pháp thực tế cụ thể về kinh tế thương mại vốn dĩ có yêu cầu nhanh chóng, thông thoáng và phù hợp với thông lệ và đòi hỏi của quan hệ hợp tác quốc tế hiện nay.

Các DN Việt Nam chưa chú trọng cải thiện khả năng liên kết, nâng cao năng lực cạnh tranh để tham gia chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Hiện chỉ có khoảng 21% DN nhỏ và vừa (DNNVV) tham gia được một phần chuỗi giá trị toàn cầu, 14% thành công trong việc liên kết với đối tác nước ngoài, trong khi số DN FDI đầu tư tại Việt Nam rất nhiều.

(Theo Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng tại hội thảo Đổi mới toàn diện về quản lý nhà nước đối với KTTN, ngày 11/3/2021)

3. Nhu cầu, phương hướng đổi mới tư duy pháp lý về thể chế kinh tế tư nhân ở nước ta theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII

3.1 Nhu cầu đổi mới tư duy pháp lý về thể chế kinh tế tư nhân

Đổi mới tư duy pháp lý nói chung, tư duy xây dựng thể chế pháp lý nói riêng được đặt ra theo nguyên lý khi thực tiễn khung điều chỉnh pháp luật đã lạc hậu và không còn thích ứng, phù hợp. Theo đó, xuất phát từ thực tiễn tất yếu đặt ra nhu cầu tìm kiếm tư duy tiếp cận, hình thành khung pháp lý mới. Ở nước ta, có thể nói trong ba thập kỷ qua có sự giao thoa tư duy nhận thức của nhiều hệ thống pháp luật trong quá trình xây dựng, định chế khung pháp lý thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân trên các phương diện về thương mại, dân sự, đất đai, tài chính...vv. Điều đó xuất phát từ sự đáp ứng nhu cầu thực tiễn và đã tạo nên bức tranh đa dạng của hệ thống pháp luật thực định của nước nhà. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế mở, số hóa chúng ta đã, đang tham gia nhiều tổ chức, hiệp hội, diễn đàn kinh tế đa phương và song phương thì việc mở rộng phạm vi điều chỉnh, nội luật hóa nội dung chi tiết các hiệp ước cam kết đã ký là điều tất yếu. Dĩ nhiên, trong bối cảnh đó cần phải định tính, định lượng lại khung pháp luật cho từng lĩnh vực để kích hoạt sự đổi mới, kịp thời nắm bắt cơ hội đầu tư đem lại hiệu quả. Với thực tế này, đổi tư duy pháp lý về thể chế kinh tế tư nhân bắt đầu từ tư duy xây dựng pháp luật là hết sức quan trọng và có tính đột phá. Với nguyên lý, con người là chủ nhân của mọi cuộc cách mạng xã hội do đó, mọi sự đổi mới đều bắt nguồn từ con người và trước hết là đổi mới tư duy nhận thức thực tiễn. Đó là một quá trình diễn ra từ thấp tới cao với sự đòi hỏi của tiến bộ, phát triển là một thực tế vô cùng khó khăn.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, Chính phủ mới (nhiệm kỳ 2021-2025) đã sớm nhận ra vai trò, nhu cầu, sự cần thiết và chỉ ra nút của thắt thể chế đối với quá trình phát triển kinh tế xã hội bằng việc ban hành nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 01/7/2021 về vấn đề này. Nghị quyết đã nêu rõ: “*Công tác xây dựng thể chế, pháp luật là một trong ba đột phá chiến lược, là*

nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới, Chính phủ chỉ đạo các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp cần tập trung cao cho công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Các bộ, cơ quan cần tích cực, chủ động, sáng tạo, quyết liệt thực hiện các giải pháp để khắc phục triệt để những bất cập, hạn chế trong công tác xây dựng pháp luật". Mặc dù vậy, các yếu tố bên trong của nền kinh tế như sự liên kết nội thị trường vốn, thị trường nhân lực, hàng hóa, cung ứng dịch vụ. So với giai đoạn trước, trong môi trường toàn cầu hóa sự liên kết, phụ thuộc lẫn nhau ở mức độ, phạm vi rất cao trong một không gian kinh tế mở và hệ thống chuẩn mực quốc tế hóa. Điều này đòi hỏi thể chế kinh tế quốc gia phải thể hiện được cấu trúc nền kinh tế đa ngành, đa cấp độ theo chiều dọc và chiều ngang của quản trị. Tóm lại, toàn cầu hóa đã, đang đòi hỏi một thể chế kinh tế mở để tiếp biến các giá trị thị trường và mở rộng tự do thương mại với thế giới. Đòi hỏi tư duy mà trước hết là tư duy thể chế nền kinh tế là yếu tố tiên quyết cho đổi mới toàn diện. Xét cho cùng, trong kinh tế và đời sống xã hội nói chung, sự thua kém, tụt hậu của một chủ thể nào đó, trong lĩnh vực nào đó (ngay cả với một quốc gia) không phải chỉ là do hạn chế về khả năng hay nguồn lực, mà chủ yếu là do thiếu nhận ra áp lực, dám chấp nhận áp lực để nhanh chóng đổi mới triệt để về tư duy, đổi mới cách nghĩ, cách làm.

3.2 Phương hướng đổi mới tư duy pháp lý về thể chế kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay

Phương hướng đổi mới tư duy về kinh tế tư nhân được rút ra trên nội dung quan điểm của Nghị quyết 10/NQ-TW; Dự án đổi mới toàn diện về quản lý đối với kinh tế tư nhân và đặc biệt Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII cũng như thực tiễn nhu cầu đặt ra từ với lĩnh vực kinh tế này hiện nay, gồm:

Thứ nhất, phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh theo cơ chế thị trường là một yêu cầu khách quan, cấp thiết trong quá trình hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đó là một phương sách quan trọng để giải phóng sức sản xuất; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển.

Thứ hai, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, đa dạng để trở thành động lực phát triển nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao cả về số lượng, quy mô và chất lượng.

Thứ ba, xoá bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh và đúng định hướng.

Thứ tư, tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm soát, thực hiện công khai, minh bạch, ngăn chặn, hạn chế mặt tiêu cực, nhất là phòng, chống mọi biểu hiện của "chủ nghĩa tư bản thân hữu", quan hệ "lợi ích nhóm", thao túng chính sách, cạnh tranh không lành mạnh để trục lợi bất chính.

Thứ năm, xây dựng nền kinh tế chia sẻ theo đó kinh tế tư nhân được phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, phục vụ, chuyển kiểm soát sang quản lý thông qua các công cụ luật pháp và chính sách phù hợp với cơ chế thị trường.

Thứ sáu, đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để các hộ kinh

doanh tự nguyện liên kết hình thành các hình thức tổ chức hợp tác hoặc hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước, có đủ năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu. Theo mục tiêu, định hướng được đưa ra trong Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ, đến năm 2020, xây dựng doanh nghiệp Việt Nam có năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững, cả nước có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp hoạt động, trong đó có các doanh nghiệp có quy mô lớn, nguồn lực mạnh. Khu vực tư nhân Việt Nam đóng góp khoảng 48 - 49% GDP, khoảng 49% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp khoảng 30 - 35% GDP. Năng suất lao động xã hội tăng khoảng 5%/năm. Hàng năm, có khoảng 30 - 35% doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động đổi mới sáng tạo.

4. Một số giải pháp đổi mới tư duy pháp lý về thể chế kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay

Đổi mới tư duy, tạo đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội thời gian tới là nhiệm vụ cấp thiết, do đó việc lựa chọn giải pháp cần, thích ứng cho từng nội dung có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Quá trình đổi mới tư duy xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp lý kinh tế tư nhân cần quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết Chính phủ dành riêng cho Chuyên đề về xây dựng pháp luật đã chỉ rõ *“Thể chế pháp luật cần thể hiện sâu sắc tinh thần đổi mới; các bộ, cơ quan ngang bộ phải coi việc rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực được phân công là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên; kịp thời phát hiện và xử lý các qui định trái pháp luật, không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội”*⁽³⁾. Theo đó, cần coi trọng một số giải pháp:

4.1 Dứt khoát đoạn tuyệt định kiến, quan niệm “ghẻ lạnh” với kinh tế tư nhân

Đây không còn là vấn đề mới về định kiến kinh tế tư nhân trong tư duy, nhận thức và cũng đã được Nghị quyết 10/NQ-TW thẳng thắn chỉ ra là nhanh chóng: *“Xoá bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh và đúng định hướng”*. Trên thực tế, dù không phổ biến nhưng vẫn còn đâu đó sự coi thường kinh tế tư nhân khi cho rằng đặc tính của kinh tế tư nhân nhỏ lẻ, phân tán, tuổi thọ doanh nghiệp ngắn, vốn và năng lực còn hạn chế, thiếu ổn định và chuyên nghiệp, lợi dụng cơ hội hoặc thế mạnh sẵn sau chống lưng nên dễ phá vỡ cấu trúc thị trường thậm chí biến động nền kinh tế...vv. Dĩ nhiên có những hạn chế, bất cập nhất định nhưng sẽ sai lầm nếu quên đi sự đóng góp gần 50% thu nhập quốc dân và tạo công ăn việc làm cho hàng triệu người của loại hình kinh tế này. Ở Việt Nam hiện nay đã có những tập đoàn kinh tế tư nhân có vốn, năng lực đầu tư, doanh thu lợi nhuận đã vượt xa các tập đoàn kinh tế nhà nước. Phương án kết hợp giữa nhà nước với tư nhân (PPP) trong đầu tư một số dự án trọng điểm trên thực tế là cần thiết để từng bước xóa bỏ ngăn cách, hài hòa các thành phần kinh tế, cùng hội nhập và phát triển hiện nay. Điều này đòi hỏi cần thực hiện nghiêm túc, nhất quán một mặt bằng pháp lý và điều kiện kinh doanh cho các doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu, thành phần kinh tế. Tư duy kinh tế chia sẻ tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân trong và ngoài nước đầu tư chiều sâu công nghệ vào các lĩnh vực mà pháp luật không cấm; bảo đảm để các doanh nghiệp tư nhân tiếp cận các nguồn lực của Nhà nước trên nguyên tắc cạnh tranh bình đẳng. Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp nhà nước, thu hút vốn, mở rộng qui mô bằng việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động tại doanh nghiệp.

³ Nghị quyết của Chính phủ về Chuyên đề xây dựng pháp luật, phiên họp ngày 19/3/2019

4.2 Tạo lập môi trường pháp lý bình đẳng, cạnh tranh minh bạch, lành mạnh giữa các thành phần kinh tế

Để phát triển kinh tế tư nhân thực sự thành động lực quan trọng của nền kinh tế đòi hỏi cải cách hệ thống phân bổ nguồn lực theo cơ chế thị trường, từ đó tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng là yếu tố then chốt. Về nguyên lý, thị trường là yếu tố quyết định nội dung, khuynh hướng điều chỉnh của pháp luật. Theo ý kiến của chuyên gia kinh tế Phạm Chi Lan⁽⁴⁾, nguyên tắc cạnh tranh, công khai, minh bạch và có trách nhiệm giải trình phải được áp dụng trong mọi quyết định về phân bổ hay tái phân bổ nguồn lực, kể cả khi đề xuất, thiết kế và quyết định thực hiện các dự án đầu tư công hay tư nhân sử dụng nhiều nguồn lực. Trong điều kiện nước ta còn thiếu những nguồn lực lớn rất cần thiết cho phát triển một nền kinh tế hiện đại trong những năm tới, điều này càng trở nên quan trọng và cấp bách hơn bao giờ hết. Năm 2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 999/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ. Đồng thời với việc phê duyệt Đề án thúc đẩy phát triển toàn diện kinh tế tư nhân đã từng bước đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các doanh nghiệp kinh doanh theo mô hình kinh tế chia sẻ và kinh tế truyền thống; đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia mô hình kinh tế chia sẻ bao gồm người cung cấp dịch vụ, người sử dụng dịch vụ và doanh nghiệp cung cấp nền tảng; khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số và phát triển nền kinh tế số. Nhà nước cần tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; phù hợp nguyên tắc và thông lệ quốc tế; để kinh tế tư nhân thực sự trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, đặc biệt là hoàn thiện khung pháp luật, chính sách về thành lập, tổ chức và hoạt động của các tổ chức kinh doanh, tiếp tục cập nhật điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật như: Luật doanh nghiệp (sửa đổi), Luật Đầu tư (sửa đổi), Luật Quản lý thuế, Bộ luật Lao động (sửa đổi), Luật Đất đai (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành để đảm bảo tính đồng bộ, cụ thể và minh bạch; có tính khả thi cao và dễ thực hiện. Triển khai có hiệu quả các quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn thi hành, đặc biệt cần tiếp tục thực hiện quyết liệt các Nghị quyết số 35/NQ-CP, Nghị quyết về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; Nghị quyết về cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp (Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ); Rà soát cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh nhằm đảm bảo duy trì niềm tin và tăng cường đầu tư kinh doanh bền vững.

4.3 Nâng cao hiệu lực, sự thích ứng của quản lý nhà nước trong môi trường số với thể chế pháp lý thông thoáng, không có “điểm nghẽn” cản trở hoạt động kinh doanh thương mại tư nhân

Theo Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc⁽⁵⁾, quản lý nhà nước phải tôn trọng yêu cầu, quy luật khách quan của thị trường trong phát triển kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế để thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII

⁴ Ý kiến tại Hội nghị Đổi mới toàn diện quản lý nhà nước trong phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam, ngày 12/3/2021

⁵ Ý kiến tại phiên họp Chính phủ giành riêng cho Chuyên đề về xây dựng pháp luật, ngày 19/3/2019

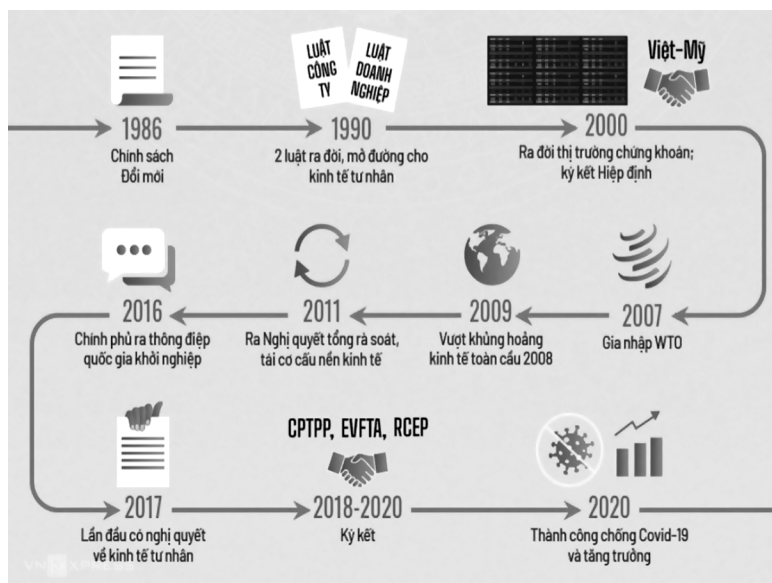
Tinh thần là phải đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế để kinh tế phát triển tốt hơn, bền vững hơn để giải phóng mọi nguồn lực cho phát triển, coi trọng các thành phần kinh tế, trong đó đặt vấn đề về KTTN một cách đúng mức. Hiện nay ở nước ta đã và đang thực hiện quá trình đổi mới một cách căn bản, toàn diện phương thức quản lý nhà nước theo mô hình Chính phủ số với tính chất chuyển từ kiểm soát sang kiến tạo; từ can thiệp trực tiếp sang gián tiếp; từ tiền kiểm sang giám sát theo nguyên tắc quản lý rủi ro. Theo đó, tư duy quản trị nhà nước lĩnh vực kinh tế tư nhân

cần tập trung vào vai trò chức năng nhà nước theo nguyên lý: định hướng, quy hoạch và điều tiết phát triển kinh tế; tạo lập khuôn khổ pháp luật, môi trường thể chế cho phát triển kinh tế; can thiệp gián tiếp vào đầu tư, sản xuất của doanh nghiệp và phân bổ nguồn lực phát triển kinh tế; thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật; tổ chức thực thi chính sách, pháp luật.

Cần coi trọng tư duy, thực tiễn về phân cấp, phân quyền quản lý gắn với chế độ trách nhiệm từng chủ thể, trong phạm vi thẩm quyền thuộc địa phương hoặc trung ương, theo ngành dọc hoặc ngang cùng cấp. Các cơ quan đầu não trung ương đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế; tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và bảo vệ tài nguyên, môi trường; phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội. Các cơ quan nhà nước ở chủ động, đổi mới tư duy sáng tạo, dám nghĩ dám làm để hỗ trợ cho các loại hình kinh tế tư nhân từng bước hội nhập, đặc biệt nhóm kinh doanh quy mô nhỏ lẻ như doanh nghiệp tư nhân, kinh tế hộ gia đình, cá nhân. Tôn trọng nguyên tắc phân bổ nguồn lực của thị trường, lấy sự phát triển của thị trường làm tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước.

4.4 Đổi mới tư duy của các doanh nhân, nhà đầu tư hoặc góp vốn, người lao động nhằm chuyển đổi thích ứng mô hình kinh tế số và hội nhập phát triển

Tư duy pháp lý về kinh tế tư nhân có ba nhóm chủ thể quan trọng, trực tiếp thực hiện việc đổi mới và có sự tương tác hữu cơ với nhau đó là tư duy của các nhà quản lý, làm luật xây dựng thể chế và tư duy của các doanh nhân, nhà đầu tư và những người lao động. Theo đó, tư duy của các doanh nhân, người lao động đóng vai trò quyết định và cụ thể cho quá trình quản trị, đảm bảo chất lượng sản phẩm, trách nhiệm xã hội với người tiêu dùng. Đáng kể trước hết là tư duy của các doanh nhân, nhà đầu tư cần hướng tới một mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại đảm bảo các tiêu chí kỹ thuật, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm cho quá trình đầu tư, xuất nhập



Kinh tế Việt Nam sau 35 năm đổi mới (VnExpress, 26/01/2021).

khẩu, tăng doanh thu, tạo niềm tin kinh doanh cho đối tác và hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước, xã hội. Doanh nhân phải hướng tới tư duy tạo lập mô hình kinh doanh hiện đại, dám đầu tư công nghệ tiên tiến vượt qua thử thách để có năng lực cạnh tranh với doanh nghiệp liên doanh hoặc doanh nghiệp vốn nước ngoài. Đối với người lao động trong các tập đoàn, công ty, hợp tác xã hoặc kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân cũng không thể đứng ngoài sự đòi hỏi hội nhập nhanh chóng xóa bỏ làm ăn manh mún, nhỏ lẻ, thiếu công nghệ cao và chất lượng sản phẩm thấp lại không đảm bảo tin cậy nguồn gốc xuất xứ.

4.5 Đối mới tư duy về các giải pháp cấp bách trong điều kiện thực thi các hiệp định mới về thương mại đa phương (như EVFTA, CPTPP, RCEP...). Theo Bộ Công Thương, EVFTA dự kiến sẽ tác động tích cực đến lao động, việc làm và an sinh xã hội, giúp tăng thêm 146.000 việc làm/năm, tập trung vào những ngành sử dụng lao động có tốc độ xuất khẩu cao sang thị trường EU, trong đó có nhiều ngành nghề chủ trọng của kinh tế tư nhân. Mức tăng thêm việc làm trong một số ngành dự kiến: Dệt may tăng 71.300 (năm 2025) và 72.600 (năm 2030), mức tăng tương ứng so với năm 2018 là 1,2%, 2,3% và 2,4%; ngành da giày có tốc độ tăng việc làm là 4,3% và 3,8% vào các năm 2025 và 2030. Một số ngành khác cũng có số lượng việc làm tăng cao là vận tải hàng không (1,5% vào năm 2025), vận tải thủy (0,9% vào năm 2025). Theo khảng định của đại sứ EU tại Việt Nam, mối quan hệ kinh tế ngày càng phát triển mạnh mẽ giữa Việt Nam và EU, thương mại song phương năm 2019 đạt 54,6 tỷ USD và EU hiện là nhà đầu tư lớn thứ 5 tại Việt Nam với tổng giá trị 24,67 tỷ USD trong hơn 2.200 dự án⁶.

Đây là một thực tiễn đòi hỏi sự nhạy bén về tư duy, sự đồng thuận giữa nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư đưa ra những giải pháp kịp thời, có hiệu quả giải quyết được hai mặt là vừa đảm bảo phòng chống dịch Covid hiệu quả vừa phát triển kinh tế. Đối với dịch bệnh, Chính phủ đã kịp thời đưa ra các giải pháp khả dĩ nhất để kiểm soát chặt các nguồn lây trong cộng đồng, doanh nghiệp. Mặt khác, nhiều biện pháp thực tế 5k, các gói ngân sách hỗ trợ đã giải tỏa được những khó khăn cho nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh và người lao động hoặc bị thất nghiệp. Những giải pháp, cách làm vừa qua cũng đồng thời góp phần ổn định duy trì sản xuất, đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế nước ta đến gần 6% trong 6 tháng đầu năm 2021. Tuy nhiên, trên thực tế thể chế pháp lý và các biện pháp thực thi vẫn còn có các mặt bất cập, hạn chế, ràng buộc, kiềm chế nhu cầu phát triển về kinh tế xã hội. Mặc dù, nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế chính sách để tháo gỡ những vướng mắc cho cộng đồng doanh nghiệp và có nhiều quan điểm, định hướng mới về quản lý kinh tế, trong đó có các quan điểm, các đột phá lớn về kinh tế tư nhân. Vấn đề quan trọng nhất tư duy về thể chế kinh tế tư nhân hướng tới và nhanh chóng đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh của các tập đoàn, doanh nghiệp, kinh tế tập thể hợp tác xã, tổ hợp tác, kinh tế hộ gia đình, cá nhân và tạo mọi điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài yên tâm đầu tư, kinh doanh, đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh hỗ trợ việc phát triển doanh nghiệp tư nhân, cụ thể cần tập trung hỗ trợ có hiệu quả cho doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Với doanh nghiệp khởi nghiệp, cần có các quy định, chính sách hỗ trợ về vốn, công nghệ, quản trị... các điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp dễ dàng được thành lập để bắt nhịp gia nhập thị trường trong cạnh tranh, phát triển và tiêu thụ các sản phẩm mới. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, lực lượng chiếm số lượng đông đảo nhất, năng động nhất, với những đóng góp không thể phủ nhận cho kinh tế - xã hội, nhưng cũng là khu vực dễ bị tổn thương, cần có chính sách hỗ trợ cụ thể được luật định rõ ràng,

⁶ Báo Chính phủ điện tử VGP new ngày 25/9/2020

xóa bỏ mọi gánh nặng không chính thức, dễ dàng tiếp cận và được phép khai thác hiệu quả các nguồn lực quốc gia. Đặc biệt, đại dịch Covid cũng đem lại cơ hội thuận lợi cho Việt Nam đó là xu hướng chuyển dịch các tập đoàn sản xuất cung ứng thiết bị đồng bộ đến nước ta. Điều này đòi hỏi một tư duy nhạy bén nắm bắt nhu cầu về nhân lực, kỹ năng nghề, quản trị doanh nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng về các thủ tục hành chính cấp phép đầu tư, quỹ đất xây dựng nhà xưởng, thủ tục thông quan hàng hóa...cho nhà đầu tư nước ngoài. Mọi cản trở về tư duy pháp lý cần được giải phóng để sớm thu hút các tập đoàn sản xuất hàng đầu thế giới bằng một cơ chế pháp lý có tính ưu đãi cho việc hình thành chuỗi sản xuất công nghệ tiên tiến các sản phẩm đồng bộ ở Việt Nam.

Cũng cần nhấn mạnh rằng, trong hai năm qua bị ảnh hưởng trầm trọng, trực tiếp của đại dịch Covid, dưới góc độ thể chế cho thấy sự điều hành của Chính phủ với những giải pháp cấp thiết (ngay cả khi chưa được pháp luật qui định) rất kịp thời, hiệu quả. Giá trị hiện thực của cơ chế pháp lý giai đoạn khó khăn này đó là tạo nên sự gắn kết, đồng thuận xã hội, sự ủng hộ của người dân trong phòng chống dịch, bảo đảm đời sống thường nhật và các hoạt động kinh tế, thương mại. Các gói bình ổn giá xăng dầu, điện dân dụng, Internet, các biện pháp khoanh nợ, dẫn nợ, hạ lãi suất cho vay của ngân hàng, mô hình chợ, cây ATM gạo không đồng.. mang đến sẻ chia, trợ cấp khó khăn và làm ấm lòng cho người dân đang thực hiện dẫn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTg *“Về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19”* và các đối tượng yếu thế, vô gia cư, cơ nhỡ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng;
- [2] Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017
- [3] Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 3/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;
- [4] Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phát triển bền vững kinh tế tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030;
- [5] Vũ Đình Ánh (2019), Khu vực kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường Việt Nam, Tạp chí Ngân hàng, Chuyên đề đặc biệt 2019;
- [6] OECD (2016), Private Sector Engagement for Sustainable Development: Lessons from the DAC, OECD Publishing.
- [7] Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Liên minh châu Âu (EVFTA) ngày 30/6/2019
- [8] Nghị quyết số 20/2019/NQ-CP của Chính phủ về Chuyên đề xây dựng pháp luật, ngày 13/3/2019
- [9] Thông tư số 30/2020/TT-BCT hướng dẫn thực hiện EVFTA về phòng vệ thương mại
- [10] Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 07/02/2020 Ban hành kế hoạch thực hiện rà soát văn bản qui phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ